

Số: 36/NQ-HĐND

TP. Tuyên Quang, ngày 22 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân  
thành phố Tuyên Quang khóa XXI, nhiệm kỳ 2016-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG  
KHÓA XXI, KỶ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII, quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 19/TTr-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐND thành phố Tuyên Quang khóa XXI, nhiệm kỳ 2016 - 2021 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Tuyên Quang khóa XXI, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

**Điều 2.** Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện và giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày HĐND thành phố Tuyên Quang khóa XXI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận: *✍*

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các phòng, ban, cơ quan thành phố;
- Thường trực HĐND các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PCVP HĐND và UBND thành phố;
- Chuyên viên tổng hợp VP;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Đình Trung*  
**Nguyễn Đình Trung**

**QUY CHẾ**  
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG,  
KHOÁ XXI, NHIỆM KỲ 2016 - 2021  
(Kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của  
Hội đồng nhân dân thành phố Tuyên Quang)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố Tuyên Quang (sau đây viết tắt là HĐND thành phố), Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND thành phố khóa XXI, nhiệm kỳ 2016 - 2021; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với hoạt động của HĐND thành phố; mối quan hệ công tác giữa HĐND thành phố với Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Tuyên Quang (sau đây viết tắt là UBMTTQ thành phố), các tổ chức chính trị - xã hội của thành phố, các cơ quan, đơn vị thành phố, HĐND các xã, phường; quy định các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của HĐND thành phố.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

**Chương II**  
**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐND thành phố**

1. HĐND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Giữa hai kỳ họp, để bảo đảm việc điều hành kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh của thành phố, HĐND thành phố ủy quyền cho Thường trực HĐND thành phố giải quyết một số việc thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố tại các Khoản 5 Điều 17; Điểm b, Khoản 2 Điều 27; Khoản 5 Điều 28, Khoản 3 Điều 29, Điểm a Khoản 1 Điều 91 Luật Đầu tư công; Khoản 4, Khoản 8 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước và báo cáo HĐND thành phố tại kỳ họp gần nhất.

### **Điều 3. Kỳ họp HĐND**

1. HĐND thành phố họp thường lệ ít nhất mỗi năm hai kỳ. Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của HĐND thành phố do HĐND quyết định vào kỳ họp cuối cùng của năm trước.

2. HĐND thành phố họp bất thường khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND thành phố hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND thành phố yêu cầu.

3. Thường trực HĐND thành phố quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp bất thường chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp và dự kiến chương trình kỳ họp HĐND, trình HĐND thành phố quyết định.

4. Thành phần khách mời tham dự kỳ họp HĐND thành phố theo quy định tại Điều 81 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

5. Chủ tịch HĐND thành phố khai mạc và bế mạc kỳ họp, chủ tọa phiên họp HĐND thành phố, bảo đảm thực hiện chương trình kỳ họp và những quy định về kỳ họp HĐND thành phố. Phó Chủ tịch HĐND thành phố giúp Chủ tịch HĐND thành phố trong việc điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch HĐND thành phố.

6. HĐND thành phố thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp theo trình tự quy định tại Điều 85 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

### **Điều 4. Hoạt động giám sát của HĐND thành phố**

1. HĐND thành phố có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. HĐND thành phố thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 57 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

#### **a) Xem xét các báo cáo**

Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, HĐND thành phố xem xét các báo cáo quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, HĐND thành phố xem xét các báo cáo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Tiến hành chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND thành phố theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) Xem xét văn bản quy phạm pháp luật của UBND thành phố, HĐND các xã, phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND thành phố. Trình tự xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

#### **d) Giám sát chuyên đề**

Căn cứ chương trình giám sát, HĐND thành phố ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực HĐND thành phố.

Trình tự, thủ tục giám sát chuyên đề của HĐND thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

HĐND thành phố xem xét báo cáo của Đoàn giám sát tại kỳ họp và ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

đ) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND thành phố bầu theo quy định của pháp luật.

3. HĐND thành phố quyết định chương trình giám sát của HĐND theo điều 58 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

### **Chương III** **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA** **THƯỜNG TRỰC HĐND THÀNH PHỐ**

#### **Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND thành phố**

1. Thường trực HĐND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quy chế hoạt động của HĐND thành phố.

2. Thường trực HĐND thành phố có nhiệm vụ xây dựng dự kiến chương trình kỳ họp HĐND thành phố trên cơ sở nghị quyết về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ của HĐND thành phố và đề nghị của Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ thành phố, Chánh án Tòa án nhân dân (TAND), Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (VKSND), các Ban của HĐND, đại biểu HĐND thành phố để trình HĐND thành phố xem xét, quyết định.

3. Thường trực HĐND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 4 Điều 45, Khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước.

4. Thường trực HĐND thành phố thực hiện các nội dung được HĐND thành phố ủy quyền tại Khoản 2 Điều 2 quy chế này.

5. Thường trực HĐND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo nghị quyết của HĐND thành phố.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực HĐND thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 105 Luật tổ chức chính quyền địa phương.

#### **Điều 6. Phiên họp và hội nghị của Thường trực HĐND thành phố**

1. Thường trực HĐND thành phố tổ chức phiên họp theo quy định tại Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND thành phố.

2. Thường trực HĐND thành phố họp định kỳ mỗi tháng một lần. Khi cần thiết, Thường trực HĐND thành phố họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND thành phố.

3. Định kỳ ba tháng một lần, Thường trực HĐND thành phố tổ chức hội nghị giao ban với Thường trực HĐND các xã, phường; tổ chức các hội nghị khi xét thấy cần thiết

## **Điều 7. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND thành phố**

1. Thường trực HĐND thành phố có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Thường trực HĐND thành phố thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, gồm:

(a) Xem xét quyết định của UBND thành phố và nghị quyết của HĐND các xã, phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND thành phố theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Tiến hành chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND thành phố theo quy định tại Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) Giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND thành phố.

Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND yêu cầu thành viên của UBND, Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND thành phố giải trình và yêu cầu cá nhân có liên quan tham gia giải trình về những vấn đề mà Thường trực HĐND thành phố quan tâm.

Trình tự phiên giải trình thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Kết thúc phiên giải trình, Thường trực HĐND xem xét, thông qua kết luận về vấn đề được giải trình. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND thành phố.

d) Giám sát chuyên đề

Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND thành phố quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

Việc thành lập Đoàn giám sát, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát, việc báo cáo và xem xét báo cáo của Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Sau khi xem xét báo cáo của Đoàn giám sát, Thường trực HĐND thành phố kết luận về nội dung giám sát. Kết luận của Thường trực HĐND thành phố được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND thành phố đề nghị HĐND thành phố xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

Thường trực HĐND thành phố có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và báo cáo HĐND thành phố về hoạt động giám sát của mình.

đ) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

e) Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Thường trực HĐND thành phố có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND thành phố.

UBND thành phố báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri. Báo cáo của UBND về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của HĐND thành phố thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND thành phố.

Trình tự xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Thường trực HĐND thành phố chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND thành phố.

3. Thường trực HĐND thành phố quyết định chương trình giám sát hàng năm của Thường trực HĐND theo quy định tại Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

### **Điều 8. Tiếp công dân của Thường trực HĐND thành phố**

1. Thường trực HĐND thành phố có trách nhiệm thực hiện việc tiếp công dân và tổ chức để đại biểu HĐND thành phố tiếp công dân theo quy định tại Điều 107 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Chủ tịch HĐND thành phố phải có lịch tiếp công dân và quyết định số lần tiếp công dân trong tháng. Chủ tịch HĐND thành phố có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch HĐND thành phố hoặc Ủy viên của Thường trực HĐND thành phố tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch HĐND thành phố phải bố trí thời gian một ngày để trực tiếp tiếp công dân.

## **Chương IV**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

#### **Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban HĐND thành phố**

1. HĐND thành phố có 2 ban, gồm: Ban Kinh tế - Xã hội; Ban Pháp chế.

2. Ban của HĐND thành phố phụ trách lĩnh vực và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 108, 109, 110, 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên ban HĐND thành phố.

a) Trưởng ban của HĐND thành phố trực tiếp chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban, thay mặt Ban giữ mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Phó Trưởng ban của HĐND thành phố giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng ban.

c) Ủy viên ban của HĐND thành phố có trách nhiệm tham gia các hoạt động của Ban và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

### **Điều 10. Hoạt động giám sát, thẩm tra của Ban của HĐND thành phố**

1. Có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 76 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Lập chương trình giám sát của Ban theo quy định tại Điều 77 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án theo quy định tại Điều 111 Luật tổ chức chính quyền địa phương, Điều 78 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Điều 136 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Thẩm tra, giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 và Điều 79 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

6. Thực hiện giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 80 và Điều 81 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

7. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 82 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

## **Chương V**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND THÀNH PHỐ**

#### **Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu HĐND thành phố**

1. HĐND thành phố thành lập 9 Tổ đại biểu HĐND; các tổ đại biểu có tổ trưởng và tổ phó.

2. Tổ đại biểu HĐND thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND thành phố.

a) Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND thành phố điều hành các hoạt động của Tổ đại biểu, thay mặt Tổ đại biểu giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Tổ phó Tổ đại biểu giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Tổ trưởng.

#### **Điều 12. Hoạt động của Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND thành phố**

1. Tổ đại biểu HĐND thành phố xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri cho các thành viên của tổ, gửi Thường trực HĐND thành phố và tổ chức cho các đại biểu HĐND thành phố tiếp xúc cử tri theo kế hoạch của Thường trực HĐND thành phố; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về Thường trực HĐND thành phố;

tổ chức cho đại biểu HĐND thành phố nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến thảo luận tại kỳ họp HĐND thành phố.

2. Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND thành phố có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại các Điều 83, 84, 85, 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Đại biểu HĐND thành phố có trách nhiệm tham dự, chấp hành nội quy kỳ họp HĐND thành phố; thực hiện quyền giám sát và tham gia thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND thành phố. Đại biểu HĐND thành phố hoạt động không chuyên trách phải đảm bảo dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

4. Đại biểu HĐND thành phố phải liên hệ chặt chẽ với cử tri và nhân dân, có trách nhiệm lắng nghe và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân; thực hiện trách nhiệm tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, tiếp nhận và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

### **Điều 13. Trách nhiệm và quyền của đại biểu HĐND thành phố**

1. Đại biểu HĐND thành phố thực hiện trách nhiệm theo quy định tại các Điều 93, 94, 95 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Đại biểu HĐND thành phố thực hiện các quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều 83 và các Điều 96, 97, 98, 99, 100, 101 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

## **Chương VI**

### **QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HĐND THÀNH PHỐ VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN**

#### **Điều 14. Quan hệ công tác giữa HĐND thành phố với Thành ủy**

1. HĐND thành phố chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy đối với hoạt động của HĐND thành phố; báo cáo Thành ủy về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND thành phố bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của HĐND thành phố.

2. Thông qua hoạt động của mình, HĐND thành phố kiến nghị với Thành ủy về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Thành ủy về phát triển kinh tế - xã hội và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.



**Điều 15. Quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân thành phố với Tổ đại biểu HĐND tỉnh**

1. Các Đại biểu HĐND tỉnh ứng cử trên địa bàn thành phố được mời tham dự các kỳ họp của HĐND thành phố và có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND thành phố.

2. HĐND thành phố cử đại biểu HĐND thành phố tham gia hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND tỉnh khi được mời.

3. HĐND thành phố phối hợp với Tổ đại biểu HĐND tỉnh tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri của thành phố chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh và địa phương giải quyết; thông tin tới cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

**Điều 16. Quan hệ công tác giữa HĐND thành phố với UBND, TAND, VKSND thành phố và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố**

1. UBND thành phố, TAND thành phố, VKSND thành phố, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố, các cơ quan, đơn vị thành phố phân công lãnh đạo dự kỳ họp HĐND thành phố và cử người tham gia hoạt động của Thường trực HĐND, Ban của HĐND thành phố khi được mời; mời Thường trực HĐND, Ban của HĐND phụ trách lĩnh vực dự hội nghị tổng kết và một số hoạt động trọng tâm của các cơ quan, đơn vị thành phố để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

2. UBND thành phố mời Thường trực HĐND thành phố tham dự phiên họp của UBND thành phố; cử lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào các hoạt động của HĐND thành phố khi có yêu cầu.

3. UBND thành phố báo cáo HĐND, Thường trực HĐND thành phố về các nội dung thuộc trách nhiệm của UBND thành phố; gửi văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định do UBND thành phố ban hành đến Thường trực HĐND, Ban của HĐND thành phố theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký; cung cấp thông tin cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND theo quy định của pháp luật.

4. UBND thành phố có trách nhiệm phối hợp với Thường trực HĐND thành phố trong việc chuẩn bị kỳ họp HĐND thành phố; chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn UBND thành phố chuẩn bị các nội dung được dự kiến trong chương trình kỳ họp HĐND thành phố; thực hiện các thủ tục và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Thường trực HĐND thành phố xem xét, quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND thành phố.

5. Cơ quan trình đề án, dự thảo nghị quyết của HĐND thành phố có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục và thời hạn xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết để trình HĐND thành phố theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, dự thảo nghị quyết phối hợp chặt chẽ với Ban của HĐND thành phố phụ trách lĩnh vực tương ứng trong quá trình xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết, mời Ban của HĐND thành phố tham gia các cuộc họp và một số hoạt động liên quan đến việc xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời; đáp ứng các yêu cầu phục vụ hoạt động giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND thành phố; nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết giám sát của HĐND, thực hiện kết luận, kiến nghị của Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND thành phố và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của HĐND thành phố.

Cá nhân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát có trách nhiệm trực tiếp báo cáo, trình bày những vấn đề mà chủ thể giám sát yêu cầu; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo, trình bày được thì ủy quyền cho cấp phó của mình.

7. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giám sát của HĐND cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND thành phố theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu cho Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND thành phố khi được yêu cầu, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước mà pháp luật quy định không được phép cung cấp.

8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri có trách nhiệm trả lời đầy đủ tại kỳ họp thường lệ gần nhất của HĐND thành phố kể từ khi nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của HĐND thành phố.

### **Điều 17. Quan hệ công tác giữa HĐND thành phố với UBMTTQ thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội của thành phố.**

1. Chủ tịch UBMTTQ thành phố và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội của thành phố được mời tham dự các kỳ họp HĐND thành phố. UBMTTQ thành phố, các tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND thành phố.

UBMTTQ thành phố mời Thường trực HĐND thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội của thành phố mời Thường trực HĐND và Ban của HĐND thành phố tham dự một số hoạt động của UBMTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

2. HĐND thành phố thực hiện chế độ gửi thông báo, nghị quyết của HĐND thành phố tới UBMTTQ thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

3. HĐND thành phố tạo điều kiện để UBMTTQ thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội của thành phố động viên nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương,

4. Thường trực HĐND thành phố phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức cho các đại biểu HĐND thành phố tiếp xúc cử tri, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

HĐND thành phố có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời theo thẩm quyền các kiến nghị của UBMTTQ thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

**Điều 18. Trách nhiệm của UBND thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan đối với hoạt động của HĐND thành phố.**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghị quyết của HĐND thành phố.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với HĐND thành phố trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật; tham gia các hoạt động của HĐND thành phố, Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố khi được yêu cầu, đề nghị.

**Điều 19. Quan hệ công tác giữa HĐND thành phố với HĐND xã, phường**

1. Thường trực HĐND thành phố tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban của HĐND xã, phường; trường hợp cần thiết, hướng dẫn hoạt động của HĐND xã, phường để bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND thành phố phối hợp với Thường trực HĐND, Ban của HĐND xã, phường trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát trên địa bàn các xã, phường.

3. Hội đồng nhân dân các xã, phường phố có trách nhiệm gửi nghị quyết đã ban hành đến Thường trực HĐND thành phố và Ban của HĐND thành phố theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký.

## **Chương VII NHỮNG ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND THÀNH PHỐ**

**Điều 20. Kinh phí hoạt động của HĐND thành phố**

1. Kinh phí hoạt động của HĐND thành phố được bố trí từ ngân sách thành phố.

2. Thường trực HĐND thành phố chỉ đạo việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND theo đúng quy định của pháp luật.

3. Văn phòng HĐND&UBND thành phố có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện vật chất, thực hiện các chế độ theo quy định của pháp luật đối với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND thành phố.

**Điều 21. Chế độ đối với đại biểu HĐND thành phố**

1. Đại biểu HĐND thành phố được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định và theo nghị quyết của HĐND thành phố.

2. Đại biểu HĐND thành phố hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

## Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### **Điều 22. Thi hành và sửa đổi bổ sung quy chế**

1. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Văn phòng HĐND và UBND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND thành phố, UBND thành phố, TAND thành phố, VKSND thành phố, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế.

2. Định kỳ hàng năm, Văn phòng HĐND và UBND thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND thành phố về tình hình thực hiện Quy chế; đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để Thường trực HĐND thành phố trình HĐND thành phố xem xét, quyết định./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Trung